

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2019

1. Thông tin chung về trường

1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ

Tên trường: Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông - Đại học Đà Nẵng

Mã tuyển sinh: DDI

Địa chỉ:

- 41 Lê Duẩn, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đô thị Đại học Đà Nẵng, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Địa chỉ trang thông tin điện tử của trường: <http://sict.udn.vn>

Địa chỉ trang tuyển sinh của trường: <http://tuyensinh.sict.udn.vn>

Email: tuyensinh@sict.udn.vn

Điện thoại: 0236 6552688 **Fax:** 0236 3667116

Sứ mệnh của trường:

Đại học Đà Nẵng là đại học vùng trọng điểm quốc gia, đào tạo đa lĩnh vực, đa cấp, đa ngành ở khu vực Miền Trung-Tây Nguyên. Đại học Đà Nẵng hiện có hơn 2.300 cán bộ, giảng viên và gần 60.000 sinh viên đang theo học từ trình độ cao đẳng đến trình độ tiến sĩ.

Là đơn vị đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu về công nghệ thông tin và truyền thông trực thuộc Đại học Đà Nẵng, Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông luôn xác định rõ sứ mệnh và trách nhiệm của mình trong việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ nhu cầu tuyển dụng rất lớn hiện nay. Sứ mạng của Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông là đào tạo nguồn nhân lực đại học có phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao, giỏi chuyên môn, năng động, tài năng và sáng tạo phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nhất là trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (Internet of things) đã và đang diễn ra rất mạnh mẽ. Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông cung cấp các chương trình đào tạo trình độ đại học tối ưu, cập nhật và ưa chuộng nhất hiện nay, gồm các ngành: Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Quản trị kinh doanh.

Với tinh thần đổi mới và trách nhiệm, Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông luôn xác định lấy người học làm trung tâm, lấy chất lượng và uy tín làm tiêu chí quan trọng nhất cho mọi hoạt động, cho sự sống còn và phát triển. Đội ngũ giảng viên của Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông, kết hợp chặt chẽ với nhiều chuyên gia tham gia giảng dạy đến từ các doanh nghiệp trong nước và quốc tế, cam kết luôn giữ vững tôn chỉ tận tụy phục vụ hết mình cho sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước. Đội ngũ giảng dạy không chỉ là những thầy cô giáo chuẩn mực, có kiến thức chuyên sâu và cập nhật, có phương pháp giảng dạy hiệu quả, mà còn là những cố vấn tin

cây và thân thiện, luôn đồng hành cùng người học trên con đường theo đuổi niềm đam mê và kiến tạo tương lai vững chắc.

Với những yếu tố trên, Khoa Công nghệ thông tin và Truyền thông chắc chắn là địa chỉ tin cậy cho người học gửi gắm ước mơ, hoài bão và mong muốn trở thành những kỹ sư, cử nhân công nghệ thông tin, truyền thông và quản trị kinh doanh trong tương lai.

Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông - Đại học Đà Nẵng là chiếc nôi đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin, truyền thông và quản trị kinh doanh uy tín, tin cậy của khu vực Miền trung - Tây Nguyên, nơi hun đúc và nuôi dưỡng nhân tài cho đất nước. Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông cam kết sẽ tạo mọi điều kiện thuận lợi để giúp người học có thể tự khởi nghiệp, được tuyển dụng làm việc tại các doanh nghiệp lớn trong nước và quốc tế cũng như có nhiều cơ hội nhận được học bổng học chuyên tiếp đại học và sau đại học tại các trường đại học quốc tế uy tín trên thế giới đã ký kết hợp tác với Đại học Đà Nẵng.

1.2. Quy mô đào tạo

Khối ngành/ Nhóm ngành	Quy mô hiện tại							
	NCS	Học viên CH	ĐH		CĐSP		TCSP	
			GD chính quy	GD TX	GD chính quy	GD TX	GD chính quy	GD TX
Khối ngành III	0	0	113	0	0	0	0	0
Khối ngành V	0	0	533	0	0	0	0	0
Tổng	0	0	646	0	0	0	0	0

1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

Năm 2017 và năm 2018, Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông xét tuyển theo 2 phương thức: dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia và dựa vào kết quả học tập THPT.

1.3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

Khối ngành/ Ngành/ Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh -2			Năm tuyển sinh -1		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
Khối ngành III	50	66		80	87	
- Ngành Quản trị kinh doanh	50	66		80	87	
<i>Tổ hợp A00: Toán, Vật lí, Hóa học</i>			15.50			16.00
<i>Tổ hợp A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh</i>			15.50			16.00
<i>Tổ hợp D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh</i>			15.50			16.00
<i>Tổ hợp D90: Toán, KHTN, Tiếng Anh</i>			15.50			16.00
Khối ngành V	150	191		420	320	
- Ngành Công nghệ thông tin	100	135		240	232	
<i>Tổ hợp A00: Toán, Vật lí, Hóa học</i>			17.00			17.00
<i>Tổ hợp A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh</i>			17.00			17.00
<i>Tổ hợp D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh</i>			17.00			17.00
<i>Tổ hợp D90: Toán, KHTN, Tiếng Anh</i>			17.00			17.00
- Ngành Công nghệ thông tin (Đặc thù)						
<i>Tổ hợp A00: Toán, Vật lí, Hóa học</i>				100	54	16.55

Khối ngành/ Ngành/ Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh -2			Năm tuyển sinh -1		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
Tổ hợp A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh	50	56		80	34	16.55
Tổ hợp D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh			16.55			
Tổ hợp D90: Toán, KHTN, Tiếng Anh			16.55			
- Ngành Công nghệ kỹ thuật máy tính						
Tổ hợp A00: Toán, Vật lý, Hóa học			15.50			
Tổ hợp A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh			15.50			
Tổ hợp D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh			15.50			
Tổ hợp D90: Toán, KHTN, Tiếng Anh			15.50			
Tổng	200	257		500	407	

2. Các thông tin của năm tuyển sinh

2.1. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh dự thi THPT năm 2019 và tốt nghiệp THPT năm 2019;
- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT trước năm 2019: dự kỳ thi THPT quốc gia 2019 và có môn thi/bài thi phù hợp với tổ hợp xét tuyển;
- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT trước năm 2019.

2.2. Phạm vi tuyển sinh

Phạm vi tuyển sinh trong cả nước.

2.3. Phương thức tuyển sinh

Tất cả các ngành đều xét tuyển theo 2 phương thức:

Phương thức 1: Dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia năm 2019;

Phương thức 2: Dựa vào kết quả học tập lớp 12 theo tổ hợp môn xét tuyển, được tính như sau:

$$\text{Điểm xét tuyển} = \text{Tổng điểm các môn dùng để xét tuyển} + \text{điểm ưu tiên}$$

trong đó điểm môn dùng để xét tuyển = điểm trung bình học kỳ I và kỳ II của năm lớp 12.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Năm 2019, Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông - Đại học Đà Nẵng tuyển sinh với tổng chỉ tiêu là 500, cụ thể như sau:

T	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu		Tổ hợp môn xét tuyển	Chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp
			Dựa vào KQ thi THPT QG	Dựa vào kết quả học tập lớp 12		
1	Công nghệ thông tin (Kỹ sư)	7480201	130	50	Tất cả các ngành đều sử dụng chung tổ hợp môn xét tuyển, cụ thể	Không

2	Công nghệ thông tin (Kỹ sư) (Đặc thù)	7480201ĐT	140	60	như sau: + Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT quốc gia:	Không
3	Công nghệ kỹ thuật máy tính (Kỹ sư)	7480108	40	20	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	Không
4	Quản trị kinh doanh (Cử nhân)	7340101	40	20	A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D90: Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh + Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12: A00: Toán, Vật lí, Hóa học A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh	Không

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

- Phương thức dựa vào kết quả thi THPT quốc gia năm 2019: Điểm xét tuyển không nhỏ hơn 15,0 điểm.

- Phương thức vào kết quả học tập lớp 12 theo tổ hợp môn xét tuyển: Tổng điểm các môn dùng để xét tuyển không nhỏ hơn 15,0 điểm.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường

Mã tuyển sinh: DDI

Các thông tin khác xem mục 2.4.

2.7. Tổ chức tuyển sinh

- Phương thức dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia năm 2019: Theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành và quy định của Đại học Đà Nẵng

- Phương thức dựa vào kết quả học tập lớp 12 theo tổ hợp môn xét tuyển:

* Thời gian nhận hồ sơ ĐKXT

+ Đợt 1: Theo quy định của Đại học Đà Nẵng

+ Các đợt bổ sung: thông báo trên trang tuyển sinh của Đại học Đà Nẵng (<http://ts.udn.vn>) và của Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông (<http://tuyensinh.sict.udn.vn>)

* Cách thức đăng ký: Chọn 1 trong 2 cách sau

- + Đăng ký trực tuyến -> In đơn -> Ký tên -> Nộp đơn đăng ký và nộp lệ phí
- + Tải mẫu đơn -> Điền thông tin + Dán ảnh -> Ký tên -> Nộp đơn đăng ký và nộp lệ phí

*** Địa điểm nhận hồ sơ ĐKXT**

Thí sinh nộp hồ sơ ĐKXT trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến một trong các địa điểm sau:

Địa điểm 1:

Ban Đào tạo - Đại học Đà Nẵng, 41 Lê Duẩn, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Địa điểm 2:

*Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông – Đại học Đà Nẵng,
Đô thị Đại học Đà Nẵng, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng*

2.8. Chính sách xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển

Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông tổ chức xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và thực hiện các chính sách ưu tiên khác theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo quy định chung của Đại học Đà Nẵng.

Nguyên tắc chung: xét tuyển vào ngành đúng, ngành phù hợp trước, sau đó xét tuyển vào ngành gần. Thí sinh được đăng ký nhiều ngành khác nhau và vào theo thứ tự ưu tiên, mỗi thí sinh trúng tuyển 1 nguyện vọng sẽ không được xét tuyển các nguyện vọng tiếp theo. Xét theo thứ tự giải từ cao xuống thấp cho đến đủ chỉ tiêu và ưu tiên từ nguyện vọng 1 cho đến hết. Trường hợp có nhiều thí sinh đồng hạng vượt quá chỉ tiêu tuyển thẳng sẽ xét đến tiêu chí phụ. Xét giải thí sinh đạt được trong các năm: 2017, 2018, 2019. Tổng chỉ tiêu xét tuyển thẳng bằng 10% chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành.

2.8.1. Xét tuyển thẳng đối với thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, đội tuyển quốc gia dự cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế

Xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành đối với thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, đội tuyển quốc gia dự cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế đã tốt nghiệp THPT, đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, dự cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế nếu chưa tốt nghiệp THPT sẽ được bảo lưu kết quả đến hết năm tốt nghiệp THPT. Chỉ tiêu xét tuyển thẳng không giới hạn, nhưng nằm trong 10% chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành.

2.8.2. Xét tuyển thẳng đối với thí sinh đạt giải học sinh giỏi các môn văn hóa cấp quốc gia

Xét tuyển thẳng thí sinh tốt nghiệp THPT, đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và đào tạo quy định, đạt giải Nhất, Nhì, Ba học sinh giỏi các môn văn hóa cấp quốc gia. Các môn thi học sinh giỏi cấp quốc gia tương ứng với các ngành xét tuyển thẳng và tiêu chí phụ được quy định như sau:

TT	Môn thi học sinh giỏi	Ngành tuyển thẳng	Mã ngành	Tiêu chí phụ
1	- Tin học - Toán	Công nghệ thông tin	7480201 hoặc	Đối với các thí sinh cùng giải thì xét môn đạt giải theo thứ

	- Tiếng Anh - Vật lí - Hóa học	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480201ĐT 7480108	tự ưu tiên: Tin học, Toán, Tiếng Anh, Vật lý, Hóa học
2	- Tiếng Anh - Ngữ văn - Tin học - Toán - Vật lí - Hóa học - Sinh học	Quản trị kinh doanh	7340101	Đối với các thí sinh cùng giải thì xét môn đạt giải theo thứ tự ưu tiên: Tiếng Anh, Ngữ Văn, Tin học, Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học

Chỉ tiêu xét tuyển thẳng không giới hạn, nhưng nằm trong 10% chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành.

2.8.3. Xét tuyển thẳng đối với thí sinh đạt giải trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia

Xét tuyển thẳng thí sinh tốt nghiệp THPT, đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và đào tạo quy định, đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia. Các lĩnh vực trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia tương ứng với các ngành xét tuyển thẳng và tiêu chí phụ được quy định như sau:

TT	Lĩnh vực khoa học, kỹ thuật	Ngành tuyển thẳng	Mã ngành	Tiêu chí phụ
1	- Rô bốt và máy tính thông minh - Phần mềm hệ thống - Hệ thống nhúng - Toán học	Công nghệ thông tin Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480201 hoặc 7480201ĐT 7480108	Đối với các thí sinh cùng giải thì xét lĩnh vực đạt giải theo thứ tự ưu tiên: Rô bốt và máy tính thông minh, Phần mềm hệ thống, Hệ thống nhúng, Toán học

Chỉ tiêu xét tuyển thẳng không giới hạn, nhưng nằm trong 10% chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành.

2.8.4. Xét tuyển thẳng đối với thí sinh đạt giải học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh hoặc đạt giải trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh

Xét tuyển thẳng thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba học sinh giỏi các môn văn hóa hoặc trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh dành cho học sinh lớp 12, đồng thời đạt giải Nhất, Nhì, Ba cấp tỉnh trong các cuộc thi Hội khỏe Phù Đổng (dành cho học sinh THPT) hoặc cuộc thi về Nghệ thuật (gồm: mỹ thuật, nghệ thuật trình diễn, nghệ thuật nghe nhìn, mỹ thuật ứng dụng,...). Chỉ tiêu xét tuyển thẳng không giới hạn, nhưng nằm trong 10% chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành.

Các kỳ thi ưu tiên theo thứ tự: Học sinh giỏi; Khoa học, kỹ thuật; Hội khỏe Phù Đổng và Nghệ thuật. Danh mục các môn thi học sinh giỏi và lĩnh vực trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh tương ứng các ngành được tuyển thẳng và tiêu chí phụ được quy định ở mục 2.8.2 và 2.8.3.

2.8.5. Ưu tiên xét tuyển

Thí sinh tốt nghiệp THPT, đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, đạt giải học sinh giỏi các môn văn hóa từ cấp quốc gia và cuộc

thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia thuộc các năm: 2017, 2018, 2019 nếu không sử dụng quyền xét tuyển thẳng thì được đăng ký ưu tiên xét tuyển vào ngành khác. Các thí sinh được cộng thêm điểm vào tổng điểm xét tuyển của tổ hợp phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển theo thang điểm 30): giải nhất được cộng 2 điểm; giải nhì được cộng 1,5 điểm; giải ba được cộng 1,0 điểm. Trong trường hợp thang điểm khác sẽ quy đổi phù hợp. Xét theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu. Đối với các thí sinh cùng điểm sẽ xét đến điểm thi trung bình của kỳ thi THPT.

2.9. Lệ phí xét tuyển

- Phương thức dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia năm 2019: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Đại học Đà Nẵng.

- Phương thức dựa vào kết quả học tập lớp 12 theo tổ hợp môn xét tuyển: 30.000 đồng/nguyên vọng.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy

Mức học phí theo quy định hiện hành của Chính phủ (Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015), dự kiến trung bình như sau:

Năm học	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Ngành Quản trị kinh doanh	9.900.000	10.900.000	12.000.000
Ngành Công nghệ thông tin Ngành Công nghệ kỹ thuật máy tính	11.800.000	13.000.000	14.300.000

Ghi chú:

- Mỗi năm học có 2 học kỳ chính (Học kỳ 1, Học kỳ 2), mỗi học kỳ có 5 tháng.

- Học kỳ hè không bắt buộc sinh viên phải học. Sinh viên học trong học kỳ hè sẽ nộp học phí theo quy định đối với học kỳ hè.

- Học phí sinh viên nộp trong mỗi học kỳ phụ thuộc tổng số tín chỉ sinh viên đăng ký học trong học kỳ.

2.11. Thông tin hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình ĐKXT

Địa chỉ trang thông tin điện tử của trường: <http://sict.udn.vn>

Địa chỉ trang tuyển sinh của trường: <http://tuyensinh.sict.udn.vn>

Email: tuyensinh@sict.udn.vn

Điện thoại: 0236 6552688 **Fax:** 0236 3667116

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Nguyễn Anh Tuấn	Giảng viên	0935.727.727	natuan@sict.udn.vn
2	Võ Hùng Cường	Giảng viên	0905.672.025	vhcuong@sict.udn.vn
3	Lê Song Toàn	Chuyên viên	0906.148.477	lstoan@sict.udn.vn

2.12. Các nội dung khác

Chính sách ưu đãi cho thí sinh có điểm xét tuyển sinh cao: Học kỳ đầu tiên được miễn 100% học phí, được miễn phí ở Ký túc xá và nhận học bổng từ các doanh nghiệp.

Chính sách học bổng khuyến học tập, chính sách miễn giảm học phí: Thực hiện theo quy định của Nhà nước.

Chính sách hỗ trợ sinh viên thuộc gia đình nghèo và có hoàn cảnh đặc biệt và vượt khó học tập:

- Sinh viên được ưu tiên xét nhận học bổng do các cá nhân/ tổ chức tài trợ.
- Sinh viên được ưu tiên sắp xếp chỗ ở trong Ký túc xá.

3. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm

Theo kế hoạch tuyển sinh chung của Đại học Đà Nẵng

4. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

4.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

Đại học Đà Nẵng gồm 12 trường thành viên, đơn vị đào tạo trực thuộc và 22 trung tâm đào tạo bồi dưỡng, thông tin học liệu, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Cơ sở của Đại học Đà Nẵng được xây dựng trên 7 khuôn viên tại thành phố Đà Nẵng và thành phố Kon Tum (tỉnh Kon Tum) với tổng diện tích mặt bằng hiện nay trên 60ha với nhiều giảng đường, phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, trang thiết bị, hệ thống thư viện, trung tâm thể dục thể thao và hệ thống ký túc xá có trên 5.000 chỗ ở.

4.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất của trường:

Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông - Đại học Đà Nẵng có nguồn lực cơ sở vật chất rất khang trang, hiện đại tại các cơ sở 41 Lê Duẩn, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng và Đô thị Đại học Đà Nẵng, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng với diện tích đất sử dụng là 20ha

- Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường:

Khu Giảng đường được bố trí tại 3 khối nhà A1, A2, A3 với trên 15 phòng học, hội trường gồm 300 chỗ ngồi và 08 phòng thực hành, thí nghiệm với 300 máy tính nối mạng đáp ứng nhu cầu học tập cho sinh viên ở các lĩnh vực Mạng máy tính chuyên sâu, Hệ thống thông tin, Điện toán đám mây, Vi xử lý-vi điều khiển, Xử lý tín hiệu, Đồ họa máy tính; Cấu trúc máy tính, Lập trình hệ thống, Lập trình trên thiết bị và điện thoại di động, Mô hình quản trị kinh doanh và kế toán ảo;...

Tất cả các phòng học đều được trang bị đầy đủ bảng viết di động và cố định, máy tính, máy chiếu hỗ trợ công tác giảng dạy, nhiều thiết bị đa phương tiện (SmartClass+) phục vụ giảng dạy tiếng Anh, tiếng Nhật,... và hệ thống mạng máy tính cho phép truy cập Internet tốc độ cao. Có hệ thống phòng tự học hiện đại, trang bị cơ sở vật chất tiện nghi phục vụ cho sinh viên tự học và nghiên cứu.

Hệ thống thư viện và Trung tâm học liệu hiện đại với 02 phòng đọc có sức chứa 300 người với hơn 5.000 đầu sách; máy tính và wifi luôn sẵn sàng cho các yêu cầu truy cập Internet của sinh viên, cán bộ, giảng viên. Hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử được liên kết với các trường đại học trong và ngoài nước.

Hệ thống mạng nội bộ kết nối liên thông đến các khu vực giảng đường và nhà làm việc bằng cáp quang và hệ thống wifi trong toàn khu vực, kết nối hệ thống máy chủ với đường truyền Internet tốc độ 40 Mbps; và nhiều tài nguyên mạng lưu trữ phục vụ cho việc giảng dạy và học tập của giảng viên, sinh viên.

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên:

Khu Ký túc xá sinh viên gồm 02 toà nhà 5 tầng, phục vụ nội trú cho khoảng 1.000 sinh viên, với các phòng ở đầy đủ tiện nghi, có công trình phụ khép kín trong mỗi phòng sinh hoạt riêng và căng-tin phục vụ sinh viên hiện đại.

4.1.2. *Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị*

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính
1	Phòng Thực hành Tin học	Máy tính, Máy chiếu, Ổn áp, Bàn, Ghế, Camera
2	Phòng Thực hành Tin học	Máy tính, Máy chiếu, Ổn áp, Bàn, Ghế, Camera
3	Phòng Thực hành Tin học	Máy tính, Máy chiếu, Ổn áp, Bàn, Ghế, Camera
4	Phòng Thực hành Phần cứng máy tính	Máy tính, Máy chiếu, Các thiết bị phần cứng, Ổn áp, Bàn, Ghế, Camera
5	Phòng Thực hành Thương mại điện tử	Máy tính, Máy chiếu, Ổn áp, Bàn, Ghế, Camera
6	Phòng Thí nghiệm Mạng và Truyền thông	Máy tính, Router, Switch, Ổn áp, Bàn, Ghế, Camera
7	Phòng Thí nghiệm điện tử, điều khiển tự động	Máy tính, Các vi mạch điện tử, Thiết bị điện tử, Ổn áp, Bàn, Ghế, Camera
8	Phòng Thí nghiệm Đa phương tiện	Máy tính, Các thiết bị đa phương tiện, Ổn áp, Bàn, Ghế, Camera

4.1.3. *Thống kê phòng học*

TT	Loại phòng	Số lượng
1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01
2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	02
3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	11
4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	02
5.	Số phòng học đa phương tiện	00

4.1.4. *Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo...sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện*

TT	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng
1.	Khối ngành I	20
2.	Khối ngành II	30
3.	Khối ngành III	1.500
4.	Khối ngành IV	50
5.	Khối ngành V	3.400
6.	Khối ngành VI	40
7.	Khối ngành VII	100

4.2. *Danh sách giảng viên cơ hữu*

Khối ngành/ ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS/ TSKH	ThS	ĐH	CD
Khối ngành III						
Ngành <i>Quản trị kinh doanh</i>						

Khối ngành/ ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS/ TSKH	ThS	ĐH	CD
Nguyễn Linh Giang				x		
Huỳnh Thị Kim Hà				x		
Vũ Thu Hà				x		
Nguyễn Hiệp			x			
Nguyễn Thị Kim Ngọc				x		
Trần Lương Nguyệt				x		
<i>Tổng của khối ngành III</i>	0	0	1	5	0	0
Khối ngành V						
<i>Ngành Công nghệ thông tin</i>						
Phạm Tuấn Anh				x		
Nguyễn Văn Bình				x		
Trần Thị Mỹ Châu				x		
Võ Hùng Cường				x		
Đinh Thị Mỹ Hạnh				x		
Nguyễn Đức Hiến				x		
Bùi Trần Huân				x		
Nguyễn Thị Thanh Huyền				x		
Mai Lam				x		
Nguyễn Thị Hương Mai				x		
Đặng Thị Thanh Minh				x		
Lê Văn Minh			x			
Nguyễn Thị Khánh My				x		
Dương Thị Mai Nga				x		
Lê Đình Nguyên				x		
Phạm Hồ Trọng Nguyên				x		
Trương Hoàng Tú Nhi				x		
Huỳnh Công Pháp		x				
Đinh Nguyễn Khánh Phương				x		
Hà Thị Minh Phương				x		
Trần Đình Sơn				x		
Phan Trọng Thanh				x		
Lê Hà Như Thảo				x		
Đặng Đại Thọ				x		
Nguyễn Lê Lộc Tiên				x		
Dương Quốc Hoàng Tú				x		
Cao Xuân Tuấn			x			
Nguyễn Anh Tuấn				x		
<i>Ngành Công nghệ kỹ thuật máy tính</i>						
Phan Thị Quỳnh Hương				x		
Nguyễn Lê Tùng Khánh				x		
Dương Ngọc Pháp				x		
Huỳnh Ngọc Thọ			x			
Trần Thu Thủy				x		
<i>Tổng của khối ngành V</i>	0	1	3	29	0	0

Khối ngành/ ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS/ TSKH	ThS	ĐH	CD
GV các môn chung						
Tổng số giảng viên toàn trường	0	1	4	34	0	0

4.3. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

Khối ngành/ ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS/ TSKH	ThS	ĐH	CD
Khối ngành V						
<i>Ngành Công nghệ thông tin</i>						
Nguyễn Thị Hoa Huê			x			
Nguyễn Vũ Anh Quang			x			
<i>Ngành Công nghệ kỹ thuật máy tính</i>						
Lâm Tùng Giang			x			
<i>Tổng của khối ngành V</i>	0	0	3	0	0	0
Tổng số giảng viên toàn trường	0	0	3	0	0	0

5. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất): Chưa có sinh viên tốt nghiệp

Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh			Số SV/HS trúng tuyển nhập học			Số SV/HS tốt nghiệp			Trong đó số SV/HS tốt nghiệp đã có việc làm sau 12 tháng		
	ĐH	CĐSP	TCSP	ĐH	CĐSP	TCSP	ĐH	CĐSP	TCSP	ĐH	CĐSP	TCSP
Khối ngành I												
Khối ngành II												
Khối ngành III	0			0			0			0		
Khối ngành IV												
Khối ngành V	0			0			0			0		
Khối ngành VI												
Khối ngành VII												
Tổng	0			0			0			0		

6. Tài chính

Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường (Năm 2018): 4,181,238,765 đồng

Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 3,500,000 đồng

Ngày 15 tháng 03 năm 2019

TRƯỞNG KHOA

PGS.TS.Huỳnh Công Pháp